

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 286/QĐ-UBND
ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH may H&H Vina Green;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 22/GP-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 25/11/2021 của Công ty TNHH may H&H Vina Green;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 124/TTr-STNMT ngày 26/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH may H&H Vina Green, cụ thể như sau:

Tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh có ghi:

“8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = W \times G \times K \times M = 240.000 \text{ (m}^3\text{)} \times 70.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1,4 \times 1,5\% = 352.800.000 \text{ đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng).”}$

Nay điều chỉnh thành:

“8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = W \times G \times K \times M = 240.000 \text{ (m}^3\text{)} \times 70.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1,4 \times 1,5\% = 352.800.000 \text{ đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng).}$

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp từng năm như sau:

- Năm 2022 (tính từ ngày 20/01/2022) là: 66.887.000 đồng;
- Các năm tiếp theo (2023-2026): 70.560.000 đồng/năm;
- Năm cuối cùng 2027 (tính đến hết ngày 19/01/2027): 3.673.000 đồng.”

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Chủ tịch UBND thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân; Giám đốc Công ty TNHH may H&H Vina Green; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (KTH.22.05280).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi